MIRAE ASSET Securities

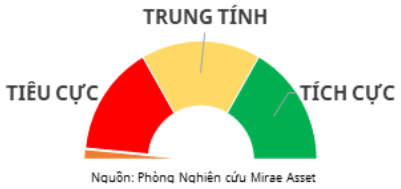
14 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,704.87	-0.8	-4.7	-3.2
HNX	265.16	0.3	-2.5	-3.7
UPCOM	123.94	0.1	-1.3	9.5
MSCI EM	1,660.47	-2.2	-2.2	24.0
NIKKEI	67,744.29	0.0	6.7	44.6
HANG SENG	24,314.17	-0.1	-2.4	-4.4
KOSPI	6,008.81	-0.4	-10.1	68.7
FTSE	10,699.57	0.5	0.0	13.2
S&P 500	7,805.45	0.0	2.4	17.5
NASDAQ	27,204.38	-0.2	3.9	20.8

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.6	1.9	16.1
Indonesia	13.2	1.6	12.2
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.1	1.5	10.4
Thailand	14.9	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	1	116
TPCP 10 năm	4.5	0	1	74

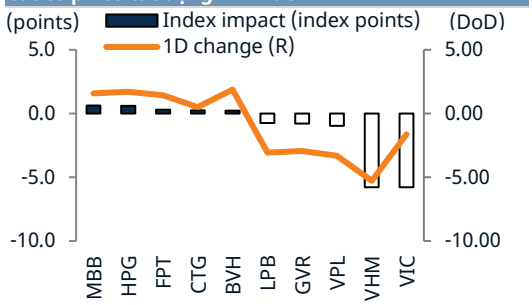
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,895	-0.1	-0.3	-1.7
US$/KRW	1,335.8	-0.5	-0.9	-6.5
US$/JPY	158.47	0.1	2.7	4.4
US$/EUR	0.8935	0.1	3.2	3.7
US$/GBP	0.7537	-0.1	1.7	0.4
US$/SGD	1.2816	0.1	0.9	-1.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	530	494	594
HNX	25	25	33
UPCOM	35	15	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Thép nóng giữa thị trường phân hóa

Trong phiên giao dịch này, thị trường mở cửa với diễn biến giằng co và có xu hướng giảm nhẹ so với phiên trước. Sang đến phiên chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số tiếp tục điều chỉnh và đóng cửa tại mức thấp nhất trong biên độ ngày. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.704,87 điểm, giảm 14,55 điểm (-0,85%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh giảm 2,92% đạt khoảng 446 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 10.479 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 128 mã tăng, 163 mã giảm và 60 mã đứng giá.

Tiêu điểm của phiên hôm nay, nhóm thép thu hút dòng tiền với NKG tăng trần (+6,82%), HSG (+4,48%) và HPG (+1,71%).

Nhóm ngành chính nâng đỡ thị trường hôm nay gồm nguyên vật liệu (HPG, HSG, NKG), truyền thông & giải trí (YEG), phần mềm (FPT). Ở chiều ngược lại, các ngành gây áp lực lên thị trường tập trung tại dịch vụ tiêu dùng (VPL), bất động sản (VIC, VHM, NVL) và hàng hóa không thiết yếu (MWG, FRT, PNJ).

Khối ngoại bán ròng với giá trị hơn 784 tỷ đồng toàn thị trường, riêng sàn HOSE ghi nhận mức bán ròng 772 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã như VIC (-153 tỷ đồng), VHM (-151 tỷ đồng) và FRT (-94 tỷ đồng). Ngược lại, dòng vốn ngoại mua ròng vào các mã như MBB (100 tỷ đồng), STB (43 tỷ đồng) và HPG (28 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm nhưng điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục duy trì ở mức -7 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.6x.

Nguyễn Viết Sang, Analyst, 84-8-39102222, sang.nv@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (14/10/2026)	1.704	Kháng cự 1	1.760
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.800
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.700
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.650

VN-Index giảm điểm về vùng hỗ trợ 1.700 điểm, thanh khoản thấp hơn trung bình 20 phiên.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (14/10/2026)	1.857	Kháng cự 1	**1.950**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.015**
VN30 - đóng cửa	1.852	Hỗ trợ 1	**1.850**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+4,56**	Hỗ trợ 2	**1.800**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-7	**TIÊU CỰC**

VN30F1M kết phiên giảm điểm, đánh giá kỹ thuật -7 điểm (TIÊU CỰC).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
HDB	Ngân hàng	23,200	15,519,155	**99**	7	
CTD	Xây dựng	63,600	305,690	**73**	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HDB	23.2	15,519,155	**7**	**KHẢ QUAN**	150,959	7.6	1.8	360
VEA	39.5	470,910	**7**	**KHẢ QUAN**	52,488	6.8	2.2	19
TLG	55.5	272,705	**7**	**KHẢ QUAN**	5,357	13.9	2.1	15
HPG	20.8	18,476,736	**5**	**KHẢ QUAN**	175,615	7.7	1.2	384
VIB	13.95	5,181,375	**5**	**KHẢ QUAN**	51,997	7.0	1.1	72
HSG	10.5	2,358,220	**5**	**KHẢ QUAN**	8,476	12.9	0.7	25
VCG	14.2	1,709,225	**5**	**KHẢ QUAN**	9,914	2.6	0.9	24
HHP	18.15	1,227,775	**5**	**KHẢ QUAN**	1,673	34.8	1.7	22
NKG	10.5	2,022,125	**5**	**KHẢ QUAN**	5,169	31.0	0.7	21
CTD	63.6	305,690	**5**	**KHẢ QUAN**	7,112	9.0	0.7	19
BFC	63	241,510	**5**	**KHẢ QUAN**	3,602	15.4	2.4	15
TCB	33	18,126,716	**4**	**KHẢ QUAN**	233,846	8.6	1.3	598
VPB	24.35	21,787,460	**4**	**KHẢ QUAN**	243,500	8.2	1.4	531
DXG	10	8,471,400	**4**	**KHẢ QUAN**	12,681	63.1	0.9	85
CII	12.2	6,289,675	**4**	**KHẢ QUAN**	8,198	83.7	0.8	77
CEO	10.7	5,658,830	**4**	**KHẢ QUAN**	6,375	33.3	1.0	61
KDH	13.5	3,819,655	**4**	**KHẢ QUAN**	16,665	10.2	0.9	52
PDR	11.1	4,075,055	**4**	**KHẢ QUAN**	11,076	17.9	0.9	45
DIG	9.5	3,768,235	**4**	**KHẢ QUAN**	8,020	10.3	0.8	36
KBC	25.75	1,217,415	**4**	**KHẢ QUAN**	24,250	13.8	0.9	31
HHV	9.04	2,299,980	**4**	**KHẢ QUAN**	4,946	7.8	0.5	21
ANV	18.8	1,005,380	**3**	TRUNG TÍNH	5,006	5.8	1.3	19
NVL	10.75	26,869,994	**2**	TRUNG TÍNH	34,430	5.8	0.5	289
SHS	12	8,293,975	**2**	TRUNG TÍNH	10,794	10.7	0.9	100
TCH	10.9	3,988,240	**2**	TRUNG TÍNH	10,936	36.6	0.9	43
ORS	13.25	1,974,905	**2**	TRUNG TÍNH	8,267	14.0	1.1	26
NT2	23.1	922,725	**2**	TRUNG TÍNH	6,650	5.4	1.3	21
HUT	12.2	1,638,110	**2**	TRUNG TÍNH	13,033	22.5	1.2	20
DBC	15.35	1,283,880	**2**	TRUNG TÍNH	6,617	5.7	0.8	20
ACV	41.3	388,775	**2**	TRUNG TÍNH	147,950	13.3	2.0	16
SHB	10.3	42,441,804	**0**	TRUNG TÍNH	55,040	4.0	0.6	437
MSN	71.7	5,837,975	**0**	TRUNG TÍNH	104,709	15.5	2.7	419
MBB	19.35	11,097,300	**0**	TRUNG TÍNH	194,830	6.3	1.3	215
PLX	36.25	4,573,800	**0**	TRUNG TÍNH	46,903	15.0	1.8	166
VNM	57.9	2,155,455	**0**	TRUNG TÍNH	121,008	12.2	3.8	125

PVS	33	3,659,915	**0**	TRUNG TÍNH	20,252	9.6	1.3	121
DCM	34.1	2,804,615	**0**	TRUNG TÍNH	18,053	7.8	1.6	96
GMD	53	1,117,695	**0**	TRUNG TÍNH	33,906	14.0	2.5	59
EIB	16.3	3,371,210	**0**	TRUNG TÍNH	30,362	61.7	1.1	55
MBS	14.8	2,718,030	**0**	TRUNG TÍNH	14,814	10.2	1.2	40
VHC	50.8	355,470	**0**	TRUNG TÍNH	10,640	7.8	1.1	18
SAB	43	372,170	**0**	TRUNG TÍNH	55,150	11.9	2.8	16
VIX	11.5	25,983,010	**-2**	TRUNG TÍNH	29,587	5.6	0.9	299
PNJ	18.65	13,249,310	**-2**	TRUNG TÍNH	9,544	4.0	0.7	247
MWG	73.5	2,966,565	**-2**	TRUNG TÍNH	108,464	11.0	3.0	218
CTG	29.55	6,923,255	**-2**	TRUNG TÍNH	229,513	5.7	1.2	205
PVT	24.7	8,034,870	**-2**	TRUNG TÍNH	12,768	9.0	1.3	198
MSR	64.4	2,557,130	**-2**	TRUNG TÍNH	71,160	6440.0	5.8	165
ACB	20.45	7,827,765	**-2**	TRUNG TÍNH	118,700	7.6	1.2	160
VCI	18.6	8,324,800	**-2**	TRUNG TÍNH	21,432	13.3	1.2	155
VND	13	9,767,160	**-2**	TRUNG TÍNH	19,790	7.3	0.9	127
TPB	11.7	9,335,380	**-2**	TRUNG TÍNH	37,325	4.9	0.8	109
MCH	140.9	700,320	**-2**	TRUNG TÍNH	184,213	26.1	9.8	99
POW	12.45	5,194,960	**-2**	TRUNG TÍNH	38,195	6.3	0.9	65
HCM	23.1	2,724,680	**-2**	TRUNG TÍNH	31,184	21.5	1.9	63
IDC	33.7	1,477,135	**-2**	TRUNG TÍNH	14,068	6.5	2.1	50
VC3	23.3	1,687,270	**-2**	TRUNG TÍNH	3,467	48.7	2.2	39
PVP	23.15	1,483,865	**-2**	TRUNG TÍNH	2,401	7.4	1.2	34
HAG	14.4	2,229,755	**-2**	TRUNG TÍNH	18,251	5.4	1.2	32
OIL	13.3	2,380,550	**-2**	TRUNG TÍNH	13,755	38.8	1.3	32
SBT	22.6	1,189,190	**-2**	TRUNG TÍNH	21,123	28.7	1.8	27
VOS	11.75	1,421,805	**-2**	TRUNG TÍNH	1,645	4.2	0.8	17
FRT	140.6	708,740	**-3**	TRUNG TÍNH	25,142	22.1	5.2	100
VPI	50.6	1,515,905	**-3**	TRUNG TÍNH	17,814	44.2	3.3	77
SSI	18.9	21,095,800	**-4**	**TIÊU CỰC**	56,498	11.1	1.4	399
FPT	57.1	5,910,030	**-4**	**TIÊU CỰC**	107,675	10.7	2.7	337
GEX	21.9	6,727,570	**-4**	**TIÊU CỰC**	28,656	20.9	1.4	147
GAS	78.6	1,202,260	**-4**	**TIÊU CỰC**	189,658	14.9	2.8	94
VSC	12.8	7,274,950	**-4**	**TIÊU CỰC**	4,792	14.0	0.9	93
DGW	45.5	1,721,965	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,163	12.0	2.7	78
PVD	18	4,316,455	**-4**	**TIÊU CỰC**	16,699	17.3	1.0	78
BVH	76	1,007,935	**-4**	**TIÊU CỰC**	56,417	17.0	2.2	77
DCL	46.5	1,400,340	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,396	#N/A N/A	2.3	65
HAH	48.35	1,259,950	**-4**	**TIÊU CỰC**	9,106	6.9	1.8	61
DPM	21.35	2,805,325	**-4**	**TIÊU CỰC**	14,516	8.5	1.3	60
PET	49.85	902,380	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,714	25.3	3.1	45
NVB	14	2,163,225	**-4**	**TIÊU CỰC**	40,992	83.8	1.9	30
DRI	16	1,773,295	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,171	7.4	1.7	28
VGC	43.75	633,745	**-4**	**TIÊU CỰC**	19,615	13.8	2.3	28
REE	45	501,545	**-4**	**TIÊU CỰC**	28,030	10.6	1.3	23
DHC	37.2	513,915	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,952	7.3	1.6	19
VIC	218.4	3,296,815	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,695,262	78.0	9.7	720
VHM	61	8,941,585	**-5**	**TIÊU CỰC**	501,104	6.3	1.9	545

BSR	30.1	11,747,410	**-5**	**TIÊU CỰC**	150,720	7.6	2.0	354
STB	64.6	2,955,350	**-5**	**TIÊU CỰC**	121,785	19.9	1.9	191
GVR	31.4	2,832,330	**-5**	**TIÊU CỰC**	125,600	17.8	2.1	89
LPB	38.1	1,991,755	**-5**	**TIÊU CỰC**	113,815	10.1	2.6	76
NLG	21.2	1,434,300	**-5**	**TIÊU CỰC**	10,286	17.2	0.8	30
VCB	56.3	3,583,060	**-6**	**TIÊU CỰC**	470,425	11.3	1.9	202
VJC	128.1	1,013,185	**-6**	**TIÊU CỰC**	98,521	44.7	3.7	130
DGC	32.6	575,400	**-6**	**TIÊU CỰC**	12,381	6.2	0.8	19
DPR	37.4	482,030	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,250	9.1	1.2	18
CTS	19.15	917,625	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,214	13.8	1.8	18
BVS	25.5	613,560	**-6**	**TIÊU CỰC**	1,841	9.6	0.7	16
BID	33.1	3,557,405	**-7**	**TIÊU CỰC**	257,460	7.8	1.3	118
VRE	22.4	3,671,415	**-7**	**TIÊU CỰC**	50,900	7.0	1.0	82
PC1	18.25	1,360,155	**-7**	**TIÊU CỰC**	7,506	7.4	1.1	25
BCM	37.9	462,130	**-7**	**TIÊU CỰC**	39,226	20.7	1.8	18
PHR	32.2	481,410	**-7**	**TIÊU CỰC**	7,854	8.4	1.7	16
CTR	68.3	219,295	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,750	13.4	3.9	15

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Mỹ đối mặt nguy cơ lạm phát gia tăng do giá năng lượng leo thang

Các nhà kinh tế được Dow Jones khảo sát dự báo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tổng thể trong tháng 9/2026 sẽ tăng 0,6% so với tháng trước đó và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Báo cáo được theo dõi sát sao về giá tiêu dùng tại Mỹ được công bố vào ngày 14/10 có thể cho thấy áp lực lạm phát đang gia tăng trong bối cảnh chi phí năng lượng tiếp tục leo thang. Mức tăng trong 12 tháng này sẽ cho thấy tốc độ tăng giá đang tăng nhanh và ngày càng cách xa mục tiêu 2% của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Lạm phát lõi, được tính bằng cách loại trừ giá thực phẩm và năng lượng biến động mạnh, dự kiến tăng 0,2% so với tháng 8 và tăng 2,5% trong vòng 12 tháng.

Mặc dù mức này sẽ đánh dấu sự giảm tốc nhẹ so với tháng trước, nhưng vẫn là sự gia tăng của lạm phát tính theo năm. Theo CNBC, ông Joe Brusuelas, chuyên gia kinh tế trưởng tại công ty hoạt động trong lĩnh vực thuế RSM, cho biết giá các mặt hàng liên quan đến dầu mỏ có thể đẩy chỉ số CPI tổng thể lên cao hơn nữa. Chi phí năng lượng là một trong những động lực lớn nhất thúc đẩy lạm phát kể từ khi cuộc chiến giữa Mỹ và Iran bắt đầu hồi đầu năm nay. Tuần trước, Tổng thống Donald Trump thông báo nới lỏng các hạn chế đối với dầu diesel của Nga nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại dầu mỏ toàn cầu. Tuy nhiên, các nhà phân tích không tin rằng động thái này sẽ giúp giá giảm đáng kể.

Giá dầu thô Brent chuẩn tham chiếu của thị trường dầu mỏ toàn cầu đã tăng hơn 14% trong tháng 9, đưa mức tăng trong quý III lên khoảng 42%. Trong phiên giao dịch 13/10, giá dầu Brent ở mức khoảng 105 USD/thùng. Theo ông Robert Sockin, chuyên gia kinh tế trưởng phụ trách thị trường Mỹ tại công ty quản lý tài sản PGIM, giá dầu duy trì ở mức cao cũng có thể đẩy chi phí của các mặt hàng thuộc những nhóm khác ngoài năng lượng tăng lên. Trong kịch bản này, Fed sẽ khó có thể coi đợt tăng giá năng lượng là một cú sốc ngắn hạn không đòi hỏi phải tăng lãi suất.

Sau khi công bố đợt tăng lãi suất đầu tiên trong vòng 3 năm vào tháng trước, Fed phát tín hiệu trong biên bản cuộc họp rằng cơ quan này có thể sẽ phải tiếp tục tăng lãi suất. Theo công cụ FedWatch của CME, các nhà giao dịch hợp đồng tương lai lãi suất quỹ liên bang dự đoán ngân hàng trung ương Mỹ sẽ tăng lãi suất lần tiếp theo tại cuộc họp chính sách vào tháng 12. Báo cáo công bố ngày 14/10 sẽ là số liệu CPI cuối cùng trước cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vào tháng 11, sự kiện có thể quyết định liệu đảng Cộng hòa có tiếp tục nắm toàn bộ quyền kiểm soát tại Washington hay không.

Theo dữ liệu về tâm lý người tiêu dùng của Đại học Michigan, niềm tin vào nền kinh tế trong các nhóm có quan điểm chính trị khác nhau đều suy giảm trong năm nay. Số liệu cho thấy so với những người thuộc đảng Dân chủ, cử tri đảng Cộng hòa và cử tri độc lập ghi nhận mức sụt giảm mạnh hơn về tâm lý kể từ đầu năm 2026. Các nhà kinh tế dự báo chỉ số giá sản xuất (PPI), thước đo lạm phát đối với cnhà bán buôn dự kiến được công bố vào 15/10, sẽ tăng 0,6% trong giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 9 và tăng 5,5% trong vòng 12 tháng. Cả hai mức tăng này đều cho thấy tốc độ tăng giá tăng nhẹ so với số liệu công bố hồi tháng 8./.

Nguồn: vietstock.vn

F88: Cổ phiếu F88 tăng kịch trần, vốn hóa tăng gần 2.500 tỷ đồng sau 2 ngày sau khi báo lãi nghìn tỷ trong 9 tháng

Phiên giao dịch ngày 14/8, cổ phiếu F88 đã tăng hết biên độ (14,91%) lên mức giá trần 57.800 đồng/cp. Phiên giao dịch ngày hôm qua, cổ phiếu F88 cũng đã tăng mạnh 11,25%.

Sau 2 phiên giao dịch, cổ phiếu F88 đã tăng gần 23%, vốn hóa tăng thêm 2.475 tỷ đồng. Cổ phiếu F88 tăng cao sau thông tin tích cực về kết quả kinh doanh quý 3/2026 và 9 tháng đầu năm. Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026, CTCP Đầu tư F88 ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 1.277 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu doanh thu, phí từ dịch vụ cầm đồ và các hoạt động liên quan khác đạt 1.061,6 tỷ đồng, tăng 54%. Doanh thu từ dịch vụ đại lý bảo hiểm đạt 212 tỷ đồng, tăng 57,8%.

Doanh thu từ các dịch vụ khác đạt 3,1 tỷ đồng. Giá vốn dịch vụ trong quý 3/2026 đạt 811 tỷ đồng. Sau khi trừ giá vốn, lợi nhuận gộp đạt 465,9 tỷ đồng, tăng 32%. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 264 tỷ đồng, tăng 29%. Trong đó, lãi cho vay từ dịch vụ cầm đồ đạt 255 tỷ đồng. Chi phí tài chính tăng 6% lên 127 tỷ đồng. Chi phí bán hàng đạt 62 tỷ đồng, tăng 24%; chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 291 tỷ đồng, tăng 25%. Lợi nhuận trước thuế quý 3/2026 đạt 401 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 319 tỷ đồng, tăng 42%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu cung cấp dịch vụ của F88 đạt 3.460 tỷ đồng, tăng 59%. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.087 tỷ đồng, tăng 80%.

Sau thuế, F88 ghi nhận lợi nhuận 864 tỷ đồng, tăng 80%. F88 cho biết lợi nhuận tăng chủ yếu nhờ tăng trưởng quy mô cho vay, hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hiệu quả quản trị chi phí. Doanh thu từ hoạt động cho vay cầm đồ, gồm phí dịch vụ, lãi cho vay và tiền phạt hợp đồng, đạt 3.728 tỷ đồng trong 9 tháng, tăng 52,4% so với cùng kỳ. Tổng giải ngân đạt hơn 17.300 tỷ đồng, tăng 51%, với tăng trưởng đến từ ba kênh phân phối gồm chi nhánh, đối tác và kênh số. Mạng lưới được mở rộng lên 1.000 phòng giao dịch trên toàn quốc; riêng quý 3/2026, kênh chi nhánh thu hút hơn 70.000 khách hàng mới, kênh đối tác có hơn 25.000 khách hàng mới.

Đối với bảo hiểm, số hợp đồng trong quý đạt gần 575.000, tăng 35%, trong đó số hợp đồng bảo hiểm độc lập phi nhân thọ đạt khoảng 3,6 lần cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập trong 9 tháng giảm còn 43%. F88 cũng cho biết các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày trở lên hoặc được xác định không có khả năng thu hồi sẽ được xóa khỏi hạch toán nội bảng và chuyển sang theo dõi ngoại bảng. Tại ngày 30/09/2026, tổng tài sản của F88 đạt hơn 9.200 tỷ đồng, tăng 35% so với đầu năm. Nợ phải trả đạt 5.121 tỷ đồng, tăng 17%. Vốn chủ sở hữu đạt 4.079 tỷ đồng, tăng 67%. Vốn góp của chủ sở hữu đạt 2.313 tỷ đồng.

Nguồn: cafef.vn

GAS: PV GAS ước tính doanh thu vượt 120.900 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế vượt 16.600 tỷ đồng

Ngày 12/10/2026, Đảng bộ Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thường kỳ tháng 10/2026 nhằm đánh giá kết quả công tác 9 tháng đầu năm, thống nhất nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm. Thông tin tại hội nghị, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đều vượt kế hoạch và tăng trưởng cao so với cùng kỳ. Doanh thu hợp nhất đạt trên 120.900 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch pháp lệnh, 113% kế hoạch quản trị và 130% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt trên 16.600 tỷ đồng, tương ứng 197% kế hoạch pháp lệnh, 155% kế hoạch quản trị và 131% so với cùng kỳ.

Nộp ngân sách nhà nước hợp nhất đạt trên 7.800 tỷ đồng, bằng 229% kế hoạch pháp lệnh, 110% kế hoạch quản trị và 129% so với cùng kỳ. Hoàn thành nâng công suất tái hóa kho LNG Thị Vải lên 288 tấn/h (khoảng 9,5 triệu m3/ngày). Trong thời gian tới, trọng tâm của PV GAS là tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và các điểm nghẽn trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng; bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động; rà soát, đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng khí và giải ngân vốn đầu tư; hoàn thiện mô hình kinh doanh, kế hoạch 5 năm và chiến lược phát triển các lĩnh vực, đơn vị; tăng cường quản trị thương

hiệu, quản trị rủi ro và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị theo các nguyên tắc quản trị của OECD.

Hội nghị cũng thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong 3 tháng cuối năm về sản xuất kinh doanh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Trong đó, tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy Tổng Công ty đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công tác bảo đảm an ninh, quốc phòng; tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, xây dựng tổ chức đảng, kiểm tra, giám sát và lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về sản xuất, vận hành, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư xây dựng, quản trị, tái cơ cấu...

để hoàn thành cao nhất kế hoạch quản trị, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của Tổng công ty trong năm 2027 và những năm tiếp theo.

Nguồn: cafef.vn

MWG: Thu 5,7 tỷ USD sau 9 tháng, cửa hàng Bách Hoá Xanh mở mới trong 2026 đã có lãi ở cấp độ cửa hàng

Sau 9 tháng đầu năm, MWG thực hiện được 80% kế hoạch doanh thu năm. Khối Điện Máy Xanh và chuỗi Bách Hóa Xanh ghi nhận doanh thu tăng trưởng hai chữ số so với cùng kỳ.

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (Mã: MWG) công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2026, ghi nhận doanh thu thuần 147.953 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, doanh nghiệp thực hiện được 80% mục tiêu doanh thu 185.000 tỷ đồng đề ra cho năm 2026.

Riêng quý III/2026, doanh thu của doanh nghiệp ước đạt 52.648 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2025. Bình quân mỗi ngày trong quý, MWG ghi nhận khoảng 572 tỷ đồng doanh thu.

Về cơ cấu doanh thu, chuỗi Điện Máy Xanh chiếm tỷ trọng hơn 44%, Bách Hóa Xanh đóng góp 31%, còn Thế Giới Di Động, bao gồm TopZone, chiếm gần 23%. Phần doanh thu từ các hoạt động khác chiếm 2%.

Trong 9 tháng đầu năm, CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh, gồm Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh, TopZone, EraBlue và Thợ Điện Máy Xanh, ghi nhận doanh thu gần 99.200 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Số liệu này đã loại trừ doanh thu nội bộ.

Theo báo cáo, tăng trưởng ghi nhận trên tất cả các chuỗi và ngành hàng, đến từ các cửa hàng hiện hữu thay vì mở mới. Tăng trưởng doanh thu trên mỗi cửa hàng hiện hữu (SSSG) đạt 30%.

Doanh thu từ mua trả chậm tăng 50% so với cùng kỳ, đóng góp 38% tổng doanh thu của khối Điện Máy Xanh.

Đối với EraBlue, doanh thu đạt 4.635 tỷ IDR, tăng 86% so với cùng kỳ. Chuỗi mở mới 156 cửa hàng trong 9 tháng đầu năm 2026, đồng thời ghi nhận tăng trưởng doanh thu tại các cửa hàng hiện hữu ở mức 13%.

Về triển vọng quý IV/2026, khối Điện Máy Xanh hướng tới các sản phẩm Apple mới, gồm iPhone Duo, cùng mùa mua sắm cao điểm cuối năm, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu cả năm 30% so với năm trước.

Ở mảng bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng, Bách Hóa Xanh đạt doanh thu lũy kế 9 tháng 45.900 tỷ đồng, tăng gần 34% so với cùng kỳ. Hai ngành hàng đóng góp vào tăng trưởng là thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG).

Nhóm cửa hàng Bách Hóa Xanh mở mới trong năm 2026 đã có lợi nhuận hoạt động dương ở cấp độ cửa hàng, sau khi tính cả khấu hao và chi phí kho vận.

Với các chuỗi khác, An Khang ghi nhận doanh thu 9 tháng tăng 22% so với cùng kỳ. Chuỗi tiếp tục cải thiện hiệu quả vận hành, hướng tới đóng góp lợi nhuận cho tập đoàn trong năm 2026.

Trong khi đó, doanh thu 9 tháng của AVAKids duy trì ổn định so với cùng kỳ. Chuỗi đồng thời tập trung tối ưu chi phí.

Đến cuối tháng 9/2026, mạng lưới của MWG có tổng cộng 7.777 cửa hàng. Trong đó, Điện Máy Xanh, gồm EraBlue, có 3.340 cửa hàng; Bách Hóa Xanh có 3.904 cửa hàng; An Khang có 438 nhà thuốc và AVAKids có 95 cửa hàng.

Ở một diễn biến khác, cuối tháng 9, HĐQT MWG đã thông qua nghị quyết triển khai phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2025 với tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cp). Ngày đăng ký cuối cùng là 8/10 và thời gian dự kiến thanh toán là 16/10.

Với hơn 1,47 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, MWG dự kiến chi khoảng 1.476 tỷ đồng để thanh toán cổ tức trong đợt này.

Vào đầu tháng 8, doanh nghiệp đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2025 với tỷ lệ 10%. Theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, MWG dự kiến chia cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ 20% (2.000 đồng/cp). Nếu hoàn tất đợt chi trả thứ hai, doanh nghiệp sẽ hoàn thành kế hoạch cổ tức năm 2025 đã đề ra.

Nguồn: vietnambiz.vn

POW: Doanh thu 9 tháng của PV Power tăng 77% so với cùng kỳ.

Doanh thu 9 tháng của PV Power tăng 77% so với cùng kỳ, vượt 26% kế hoạch 9 tháng. Bên cạnh kết quả kinh doanh, doanh nghiệp đã ký hợp đồng mua LNG dài hạn cho giai đoạn 2027 - 2031 và tiếp tục chuẩn bị đầu tư dự án điện mới tại Nghệ An.

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power - Mã: POW) vừa tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2026.

Theo thông tin tại hội nghị, sản lượng điện của PV Power trong 9 tháng ước đạt 18,954 tỷ kWh, vượt 19% kế hoạch và tăng 41% so với cùng kỳ năm 2025.

Cùng kỳ, doanh thu toàn tổng công ty ước đạt 46.161 tỷ đồng, vượt 26% kế hoạch 9 tháng và tăng 77% so với cùng kỳ.

Theo PV Power, kết quả doanh thu ngoài hoạt động sản xuất điện còn chịu tác động từ giá nhiên liệu và các khoản thu hồi chênh lệch tỷ giá, giá khí của những giai đoạn trước.

Về sản lượng từng nhà máy, Vũng Áng 1 đóng góp lớn nhất với 5,709 tỷ kWh, vượt 25% kế hoạch 9 tháng và tăng 20% so với cùng kỳ.

Tiếp đến, Cà Mau 1&2 đạt 4,245 tỷ kWh, trong khi Nhơn Trạch 3&4 đóng góp 3,757 tỷ kWh.

Nhơn Trạch 2 ghi nhận sản lượng 3,184 tỷ kWh, vượt 50% kế hoạch và tăng 48% so với cùng kỳ. Nhơn Trạch 1 đạt 1,014 tỷ kWh, vượt 79% kế hoạch 9 tháng.

Kết quả về sản lượng điện đạt được nhờ PV Power và các đơn vị thành viên thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tại nhiều nhà máy. Cụ thể, đợt tiểu tu Cà Mau 2 trong tháng 1 hoàn thành sớm 4 ngày so với kế hoạch, trong khi Cà Mau 1 hoàn thành tiểu tu tháng 8 sớm 2 ngày. Tổ máy GT3 của Cà Mau 1 được đưa trở lại vận hành thương mại từ ngày 31/8.

Tại Thủy điện Đakđrinh, công tác đại tu hai tổ máy H1 và H2 đều hoàn thành sớm 11 ngày so với kế hoạch. Các tổ máy của Thủy điện Hủa Na cũng được đưa trở lại vận hành sau các đợt tiểu tu.

Về nguồn nhiên liệu, khối lượng than giao nhận phục vụ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 trong 9 tháng ước đạt hơn 2,7 triệu tấn, bằng 110% kế hoạch.

Kế hoạch trong quý IV/2026, PV Power đặt mục tiêu sản lượng điện đạt khoảng 5,7 tỷ kWh.

Đối với khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), PV Power phối hợp với PV GAS và PV GAS LNG tiếp nhận 8 chuyến hàng tại kho Thị Vải, với tổng khối lượng 23,8 triệu MMBTU.

Bên cạnh nguồn LNG giao ngay, ngày 16/7, PV Power hoàn thành ký xác nhận mua bán LNG định hạn lần 1 với khối lượng 20,7 triệu MMBTU/năm cho giai đoạn 2027 - 2031.

Liên quan đến đầu ra của các nhà máy điện LNG, trong tháng 8, PV Power và EVN/EPTC đã ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 đối với hợp đồng mua bán điện Nhơn Trạch 3&4. Theo đó, tỷ lệ sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được xác định ở mức 65%.

Nguồn: vietnambiz.vn

EIB: Eximbank gỡ trần room ngoại

ĐTCK) Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank - EIB) thông qua bỏ giới hạn sở hữu nước ngoài 6% vốn điều lệ và bầu bổ sung Tổng giám đốc Phạm Thị Huyền Trang vào HĐQT.

Ngày 14/10, Eximbank tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ ba trong năm 2026, thông qua hai nội dung trọng tâm là thay đổi quy định về sở hữu nước ngoài và kiện toàn nhân sự HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025-2030).

Theo nghị quyết được thông qua, Eximbank bãi bỏ quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/4/2025, đồng thời sửa đổi Điều 20 Điều lệ ngân hàng. Mức trần sở hữu nước ngoài 6% vốn điều lệ được thay bằng tỷ lệ áp dụng theo Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật liên quan.

Chủ tịch HĐQT Eximbank Nguyễn Lê Quốc Anh cho rằng, thay đổi này sẽ tác động tích cực đến định giá ngân hàng, giúp thị trường nước ngoài đánh giá Eximbank cao hơn. Theo ông Quốc Anh, việc điều chỉnh được thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và không ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông.

Về bản chất, quyết định này tháo bỏ một giới hạn riêng trong điều lệ, mở thêm dư địa để nhà đầu tư nước ngoài xem xét cơ hội sở hữu cổ phần Eximbank. Nhưng mở room không đồng nghĩa có thêm vốn. Dòng vốn chỉ thực sự được thu hút khi cơ hội đầu tư đi kèm triển vọng sinh lời đủ hấp dẫn, rủi ro được kiểm soát và cơ chế quản trị tạo được niềm tin.

Đây cũng là điểm Eximbank cần chứng minh trong bối cảnh kết quả kinh doanh đang suy giảm. Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 678,48 tỷ đồng, giảm 54,42% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 519,65 tỷ đồng, giảm 55,38%.

Thu nhập lãi thuần trong 6 tháng đầu năm đạt 2.775 tỷ đồng, giảm 1,71%; lãi thuần từ dịch vụ giảm gần 80%, còn 68 tỷ đồng; lãi thuần kinh doanh ngoại hối giảm 61,47%, xuống 140,42 tỷ đồng.

Ở chiều chi phí, Eximbank đã giảm 4,43% chi phí hoạt động, còn 1.872,56 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 143,1%, lên 798,25 tỷ đồng, cho thấy áp lực từ rủi ro tín dụng đang bào mòn kết quả kinh doanh.

Tại ngày 30/6/2026, tổng nợ xấu của ngân hàng đạt khoảng 5.794 tỷ đồng, tăng gần 10% so với cuối năm 2025. Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 2,86% lên 3,08%, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống dưới 100%.

Cùng với việc sửa đổi quy định sở hữu nước ngoài, đại hội thông qua tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII từ 7 lên 8 người và bầu bổ sung bà Phạm Thị Huyền Trang, Tổng giám đốc Eximbank vào HĐQT.

Theo tài liệu công bố trước đại hội, bà Trang có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, quản trị doanh nghiệp và quản trị chiến lược, trong đó có hơn 12 năm công tác tại VietinBank, đảm nhiệm các vị trí quản lý liên quan đến tín dụng và phê duyệt tín dụng. Bà gia nhập Eximbank với tư cách thành viên HĐQT vào tháng 4/2025, được bầu làm Chủ tịch HĐQT tháng 12/2025 và chuyển giao vị trí này cho ông Nguyễn Lê Quốc Anh vào tháng 7/2026, trước khi được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc.

Việc bà Trang trở lại HĐQT trong khi tiếp tục điều hành ngân hàng diễn ra giữa quá trình sắp xếp lại bộ máy quản trị cấp cao. Trước đó, tại đại hội bất thường ngày 24/7, cổ đông đã thông qua miễn nhiệm 4 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 5 thành viên độc lập. Ông Nguyễn Lê Quốc Anh, người từng giữ chức Tổng giám đốc Techcombank giai đoạn 2016-2020, được bầu làm Chủ tịch HĐQT.

Cơ cấu HĐQT với nhiều thành viên nước ngoài cũng được cổ đông đặt vấn đề tại đại hội ngày 14/10, liên quan đến khả năng khác biệt về văn hóa và phương thức làm việc. Ông Quốc Anh cho biết, các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm lâu năm trong ngành ngân hàng và tài chính; vai trò trọng tâm của HĐQT là định hướng chiến lược, xây dựng văn hóa tổ chức và hướng dẫn Ban điều hành thực thi mục tiêu.

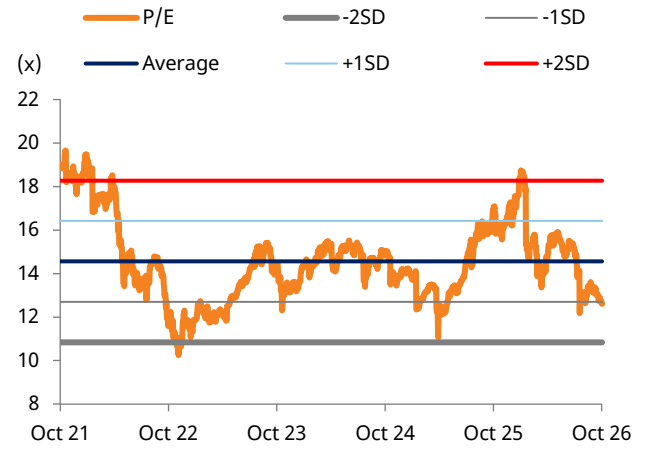
Tại ngày 30/6/2026, tổng tài sản Eximbank đạt khoảng 266.068 tỷ đồng, giảm 2,63% so với đầu năm. Dư nợ cho vay khách hàng tăng 2,07%, lên 188.030 tỷ đồng, trong khi tiền gửi khách hàng giảm 3,78%, còn 170.609 tỷ đồng. Cùng với nợ xấu tăng và chi phí dự phòng leo cao, những diễn biến này đòi hỏi ngân hàng phải nâng chất lượng quản trị tín dụng, kiểm soát rủi ro và cải thiện hiệu quả sử dụng vốn.

Room ngoại rộng hơn và HĐQT được kiện toàn có thể mở thêm dư địa phát triển cho Eximbank. Nhưng trong bối cảnh lợi nhuận suy giảm, nợ xấu gia tăng, thước đo quan trọng nhất đối với bộ máy lãnh đạo mới vẫn là khả năng kiểm soát rủi ro và khôi phục hiệu quả kinh doanh. Đó cũng là cơ sở để thị trường kiểm chứng kỳ vọng mà Eximbank đang đặt ra.

Nguồn: vietnambiz.vn

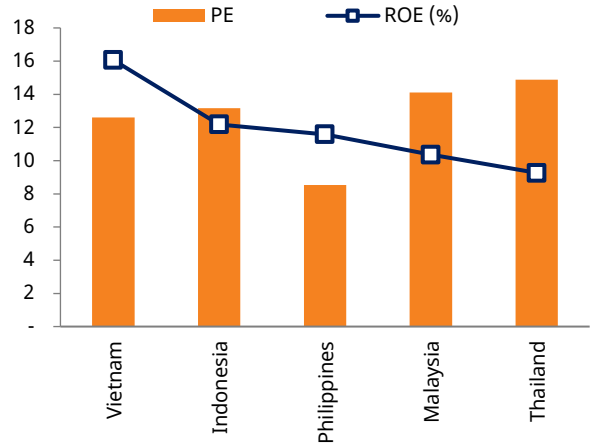
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



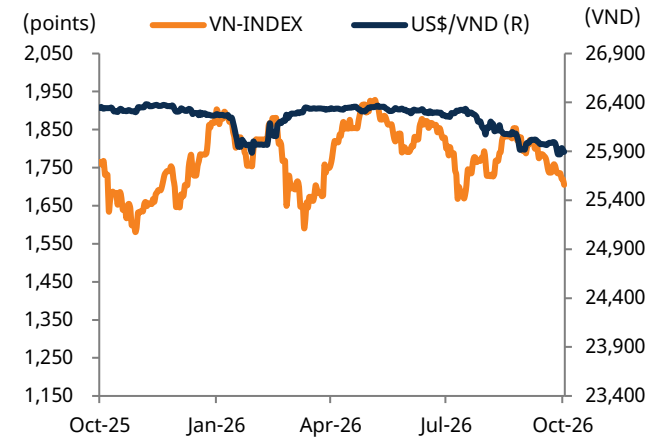
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



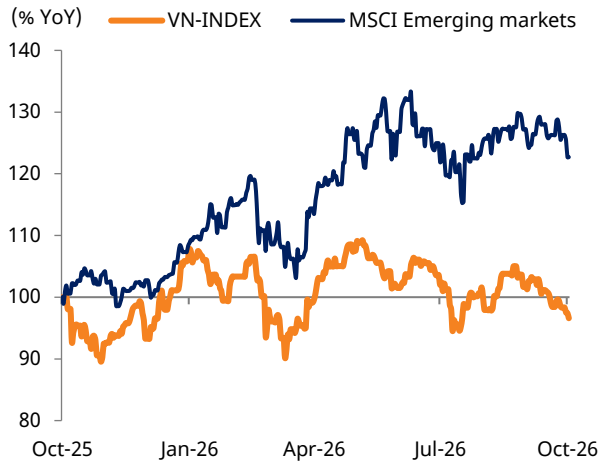
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



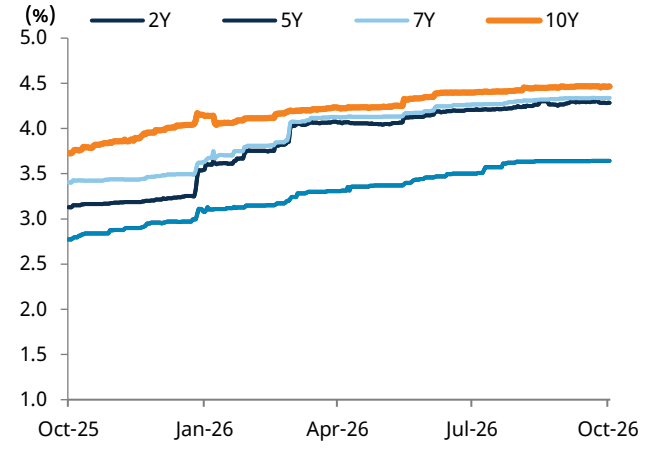
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



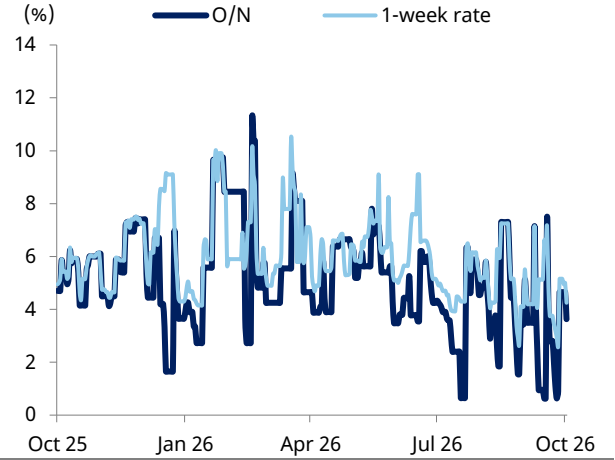
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,294,036**	**1,704.87**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.8**	**-2.8**	**-4.7**	**-3.2**	**12.6**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,315,724**	**1,852.44**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-0.5**	**-2.2**	**-3.9**	**-8.0**	**11.0**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	118,700	20,450	23,982	19,204	0.0	-1.0	-7.3	-12.1	7.6	1.2	16.7	23.2	6/15/2026	619	3.0	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	257,460	33,100	52,975	32,150	-0.7	-4.1	-7.4	-10.7	7.8	1.3	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.3	1.4
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	150,720	30,100	39,600	13,500	-0.7	-5.2	5.6	73.6	7.6	2.0	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.0	0.7
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	229,513	29,550	43,500	28,400	0.5	-0.7	-1.0	-21.4	5.7	1.2	22.2	24.4	7/23/2026	0	1.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	107,675	57,100	98,818	55,800	1.4	-4.4	-13.2	-32.0	10.7	2.7	27.3	28.1	5/28/2026	1,818	3.2	3.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	189,658	78,600	131,500	56,000	0.1	0.3	-8.3	31.0	14.9	2.8	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.2	3.6
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	125,600	31,400	46,500	24,500	-2.9	-7.6	4.8	12.7	17.8	2.1	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	150,959	23,200	23,450	17,230	0.4	7.3	12.5	19.8	7.6	1.8	25.8	19.4	7/12/2024	0	N/A	1.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	175,615	20,800	27,000	19,600	1.7	2.2	-0.5	-19.3	7.7	1.2	17.4	21.7	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	113,815	38,100	58,500	37,200	-3.1	-9.3	-17.2	-26.0	10.1	2.6	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	7.9	7.9
Military Commercial JCB	MBB VN	194,830	19,350	24,426	17,678	1.6	1.3	-1.8	-13.6	6.3	1.3	22.1	22.2	7/9/2026	828	4.3	4.1
Masan Consumer Corp	MCH VN	184,213	140,900	183,343	125,000	-0.2	-1.3	-0.7	N/A	26.1	9.8	39.4	11.2	8/10/2026	4,074	2.8	3.5
Masan Group Corp	MSN VN	104,709	71,700	94,000	61,700	0.8	-4.7	7.7	-13.1	15.5	2.7	19.5	24.3	7/4/2022	0	N/A	1.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	108,464	73,500	94,400	62,500	-1.7	-4.4	5.3	-12.7	11.0	3.0	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.7	3.1
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	55,150	43,000	57,100	42,050	-0.1	0.4	-3.9	-5.3	11.9	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.6	11.0
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	55,040	10,300	18,185	9,550	-1.4	-4.6	-9.6	-41.9	4.0	0.6	17.5	4.3	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	53,661	15,650	24,800	13,234	-4.3	-9.0	-19.9	-2.8	18.5	1.3	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	56,498	18,900	32,867	18,083	0.0	-3.8	-6.9	-39.3	11.1	1.4	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.4	4.6
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	121,785	64,600	79,000	45,950	-1.5	-3.3	-15.4	6.6	19.9	1.9	5.0	10.6	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	233,846	33,000	42,000	27,800	0.2	2.2	3.6	-19.1	8.6	1.3	16.1	20.3	5/19/2026	700	2.1	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	90,725	27,250	45,000	26,600	0.6	-2.5	-14.4	N/A	14.5	2.0	16.1	8.4	4/7/2026	0	1.3	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	470,425	56,300	78,800	52,600	0.0	-1.6	-3.8	-10.8	11.3	1.9	18.0	19.9	7/23/2026	450	0.8	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	501,104	61,000	86,650	43,450	-5.3	-10.3	-14.9	-3.9	6.3	1.9	33.1	6.4	6/29/2026	3,000	4.9	2.6
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,997	13,950	18,630	12,831	1.1	0.4	5.3	-23.6	7.0	1.1	16.2	3.8	4/29/2026	822	5.9	5.6
Vingroup JSC	VIC VN	1,695,262	218,400	265,000	93,000	-1.6	-5.0	-9.5	106.1	78.0	9.7	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	98,521	128,100	169,231	110,462	-0.1	0.1	4.2	9.2	44.7	3.7	8.7	5.3	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	121,008	57,900	75,500	54,600	-0.2	-0.2	-2.4	-8.8	12.2	3.8	31.1	49.7	6/26/2026	4,350	8.1	7.8
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	243,500	24,350	27,491	18,962	-0.2	4.1	12.8	-5.6	8.2	1.4	18.3	22.2	5/15/2026	397	1.6	1.7
Vinpearl JSC	VPL VN	136,291	76,000	111,000	67,000	-3.3	-4.3	-9.7	-12.1	45.5	3.1	7.5	6.6	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	50,900	22,400	45,200	20,900	-1.5	-3.7	-13.0	-47.6	7.0	1.0	15.5	11.3	6/30/2026	1,000	4.5	0.0

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.